**RISK REGISTER**

**Project Tile: Hệ thống quản lý chuỗi rạp chiếu phim**

**Date prepared: 30/08/2024**

note :

Score = Probability × Impact

ví dụ : Trung bình Impact = (4 + 4 + 5 + 3) / 4 = 4

Score=0.05×4=0.2

thang 5 : 1-5 ( rất thấp - thấp - trung bình - cao - rất cao )

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ID | Risk Statement | Owner | Probability | Impact | | | | Score | Response |
| Scope | Quality | Schedule | Cost |
| 1 | Thị trường thay đổi | PM | 60% | 4 | 4 | 3 | 3 | 2.1 | khảo sát lại thị trường , điều chỉnh chiến lược |
| 2 | Cắt giảm nhân sự dẫn đến thiếu giảm nhân sự | PM | 50% | 3 | 2 | 4 | 3 | 1.5 | Đề xuất nhân sự dự phòng, cải thiện đào tạo nội bộ |
| 3 | Thay đổi nội bộ làm ảnh hưởng đến tiến độ dự án | PM | 40% | 2 | 3 | 4 | 2 | 1.1 | Đánh giả ảnh hưởng và điều chỉnh kế hoạch |
| 4 | Cắt giảm chi phí ảnh hưởng đến chất lượng dự án | PM | 60% | 3 | 4 | 3 | 4 | 2.1 | Giảm lại các chi phí không cần thiết |
| 5 | Nhân sự nghỉ việc, gây thiếu hụt nhân lực | PM | 40% | 2 | 2 | 3 | 2 | 0.9 | đào tạo và chuyển giao nội bộ |
| 6 | Máy tính hỏng , gây gián đoạn công việc | Dev | 50% | 1 | 3 | 3 | 2 | 1.13 | Kiểm tra và bảo dưỡng máy tính định kì |
| 7 | Công nghệ thay đổi yêu cầu cập nhập kỹ năng mới | dev | 70% | 4 | 4 | 4 | 4 | 2.8 | Tổ chức đào tạo công nghệ mới , theo dõi xu thế công nghệ |
| 8 | Thiếu kinh nghiệm gây ảnh hưởng đến chất lượng công việc | PM, BA, DEV | 50% | 3 | 3 | 4 | 3 | 1.63 | Học tập từ chuyên gia đào tạo nội bộ |
| 9 | Khách hàng thay đổi yêu cầu gây ảnh hưởng đến tiến độ dự án | BA | 60% | 4 | 4 | 5 | 3 | 2.4 | quản lý kỳ vọng khách hàng, giao tiếp rõ ràng |
| 10 | Nhân sự thiếu sự nỗ lực , gây ra chậm tiến độ công việc | PM | 40% | 3 | 3 | 4 | 3 | 1.3 | Thưởng , phạt dựa trên kết quả làm việc |
| 11 | Sự khác biệt văn hóa trong đội nhóm, gây mất hiệu quả | PM | 30% | 2 | 3 | 3 | 2 | 0.75 | Tổ chức các hoạt động nhóm, cải thiện giao tiếp |
| 12 | Thiếu trình độ , gây ra sai sót trong công việc | BA, dev | 50% | 3 | 3 | 4 | 3 | 1.63 | đào tạo nâng cao, phân công , kiêm tra chéo |
| 13 | Sự cố mạng ảnh hưởng đến vận hành | PM, DEV | 40% | 3 | 4 | 5 | 4 | 1.6 | có phương án mạng dự phòng, và bảo dưỡng định kỳ |
| 14 | Đối tác không tuân thủ hợp đồng , gây chậm tiến độ | BA | 50% | 4 | 3 | 5 | 4 | 2.0 | Ràng buộc pháp lý rõ ràng trong hợp đồng |
| 15 | Hệ thống phần mềm bên thứ 3 gặp lỗi hoặc không tương thích dẫn đến chậm tiến độ | dev | 60% | 3 | 4 | 4 | 5 | 2.4 | kiểm tra sự tương thích sớm, liên hệ hỗ trợ từ nhà cung cấp |
| 16 | Yêu cầu bảo mật cao gây phức tạp cho hệ thống | PM, dev | 50% | 4 | 5 | 5 | 4 | 2.25 | tích hợp hệ thống bảo mật từ sớm |
| 17 | Thiếu tài liệu hoặc yêu cầu không rõ từ phía khách hàng gây sai nghiệp vụ , ảnh hưởng đến chất lượng dự án | BA | 70% | 5 | 4 | 5 | 4 | 3.15 | Làm rõ yêu cầu ngay từ đầu, tổ chức nhiều buổi họp, liên lạc với khách hàng thường xuyên |
| 18 | Lạm phát hoặc biến động kinh tế, gây chi phí phát sinh | PM | 40% | 3 | 4 | 4 | 5 | 1.6 | Đàm phán giá cố định với nhà cung cấp, đánh giá thị trường định kỳ |
| 19 | Dự án bị dừng do quyết định từ ban quản trị | PM | 20% | 5 | 4 | 5 | 5 | 0.95 | chuẩn bị phương án dự phòng, trao đổi liên tục, cập nhập với quản trị cấp cao. |
| 20 | Thiếu tài nguyên quan trọng( máy tính) dẫn đến chậm tiến độ dự án | PM, dev | 50% | 4 | 4 | 5 | 3 | 2 | Lập kế hoạch dự phòng, kiểm kê tài sản |
| 21 | Xung đột giữa các thành viên trong nhóm gây ảnh hưởng hiệu suất | PM | 70% | 4 | 3 | 4 | 3 | 2.45 | Tổ chức họp nhóm, và giải quyết xung đột sớm |
| 22 | Dữ liệu khách hàng rò rỉ, gây mất uy tín | PM, dev | 40% | 5 | 5 | 5 | 5 | 2 | Triển khai các biện pháp bảo mật mạnh mẽ |
| 23 | Công nghệ mới, yêu cầu đào tạo cho nhân viên thêm | PM , dev | 60% | 4 | 4 | 4 | 4 | 2.4 | Lập kế hoạch đào tạo và hỗ trợ nhân viên, đánh giá kĩ năng định kỳ |
| 24 | Nhà cung cấp chậm trễ trong giao thiết bị quan trọng , gây chậm tiến độ dự án | PM | 50% | 3 | 3 | 5 | 4 | 3.75 | Ký hợp đồng với nhiều điều khoản rõ ràng, giám sát tiến độ nhà cung cấp |
| 25 | Thiếu sự hỗ trợ từ ban lãnh đạo , gây ra khó khăn cho dự án. | PM | 40% | 4 | 3 | 4 | 4 | 3.75 | Giao tiếp với lãnh đạo thường xuyên , đảm bảo được sự ủng hộ từ ban lãnh đạo |
| 26 | Thiếu ngân sách làm giảm quy mô dự án | PM | 40% | 4 | 4 | 4 | 5 | 1.7 | xem lại phạm vi, tìm nguồn tài trợ bổ sung, giám sát chi phí chặt chẽ |
| 27 | Đối thủ cạnh tranh tung ra sản phẩm tương tự trước, ảnh hưởng đến sự thành công dự án | PM, BA | 30% | 5 | 4 | 4 | 3 | 1.2 | đẩy nhanh tiến độ, hoặc cải tiến sản phẩm |
| 28 | Hệ thống bị tấn công gây ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm | dev, PM | 30% | 5 | 5 | 5 | 4 | 1.425 | triển khai các hệ thống an ninh , hợp tác với các chuyên gia an ninh mạng |
| 29 | Overload công việc gây chậm tiến độ dự án | PM | 30% | 3 | 4 | 4 | 2 | 0.975 | Phân chia công việc hợp lý hơn, sử dụng công cụ tự động hóa kiểm thử |
| 30 | Tích hợp hệ thống phức tạp gây khó khăn cho việc phát triển hệ thống | Dev | 20% | 4 | 5 | 5 | 4 | 0.9 | Phân tích kỹ và thử nghiệm từng phần tích hợp trước khi triển khai |
| 31 | Chất lượng mã nguồn kém gây ảnh hưởng hiệu năng | Dev | 40% | 3 | 5 | 4 | 3 | 1.5 | Thực hiện code review và kiểm thử kỹ càng, sử dụng CI/CD để kiểm tra tự động |
| 32 | Hiệu năng hệ thống không tốt gây ảnh hưởng trải nghiệm khách hàng | Dev | 30% | 4 | 5 | 4 | 4 | 1.4 | Tối ưu hóa hiệu năng từ giai đoạn đầu phát triển, kiểm tra tải trọng |
| 33 | Không quản lý tốt yêu cầu gây khó khăn trong quá trình phát triển hệ thống | BA | 40% | 4 | 3 | 4 | 3 | 1.4 | Sử dụng kỹ thuật thu thập yêu cầu và phân tích đầy đủ trước khi phát triển |
| 34 | Lệch thời gian gây chậm tiến độ | PM | 60% | 3 | 4 | 5 | 3 | 2.25 | Lập kế hoạch chi tiết và theo dõi chặt chẽ tiến độ dự án |
| 35 | Thiếu khả năng kiểm thử toàn diện có thể khiến phát sinh lỗi trong quá trình sử dụng hệ thống | Dev | 30% | 4 | 4 | 4 | 3 | 1.125 | Sử dụng công cụ tự động hóa kiểm thử để giảm tải công việc cho tester |
| 36 | Không đủ thời gian kiểm thử có thể khiến phát sinh lỗi trong quá trình sử dụng hệ thống | PM | 40% | 3 | 4 | 4 | 3 | 1.4 | Xác định ưu tiên kiểm thử các tính năng quan trọng trước |
| 37 | Tương thích phần mềm không tốt gây ảnh hưởng trong quá trình sử dụng hệ thống | Dev | 30% | 4 | 5 | 4 | 4 | 1.275 | Kiểm thử trên các môi trường và thiết bị khác nhau sớm trong dự án |
| 38 | Thiếu thông tin giữa các thành viên dẫn đến chậm tiến độ dự án | PM | 60% | 3 | 3 | 4 | 2 | 1.8 | Đảm bảo giao tiếp thường xuyên giữa các thành viên qua họp hoặc công cụ trực tuyến |
| 39 | Thiếu giao tiếp với khách hàng gây thiếu thông tin dự án | BA | 50% | 4 | 3 | 4 | 3 | 1.75 | Đảm bảo việc họp định kỳ với khách hàng để thu thập phản hồi |
| 40 | Mất cân bằng giữa tính năng và thời gian gây khó khăn trong việc phát triển dự án | BA | 70% | 4 | 4 | 5 | 4 | 2.975 | Thương lượng lại thời gian hoặc cắt giảm bớt tính năng không cần thiết |
| 41 | Không đáp ứng được kỳ vọng của người dùng gây mất uy tín với khách hàng | BA | 30% | 4 | 4 | 5 | 4 | 1.275 | Thực hiện khảo sát người dùng cuối, kiểm tra UX/UI từ sớm |
| 42 | Khó khăn trong bảo trì và cập nhật | Dev | 30% | 4 | 4 | 4 | 3 | 1.125 | Xây dựng hệ thống tài liệu đầy đủ, quy chuẩn code rõ ràng |
| 43 | Chi phí phát sinh gây thiếu hụt ngân sách | Sponsor | 60% | 3 | 3 | 4 | 4 | 2.1 | Lên kế hoạch dự phòng ngân sách cho các trường hợp phát sinh bất ngờ |
| 44 | Lỗi sau phát hành gây mất uy tín với khách hàng | PM | 70% | 4 | 4 | 4 | 3 | 2.6 | Thiết lập hệ thống phát hành nhỏ từng phần để giảm thiểu lỗi |
| 45 | Thiếu môi trường phát triển đầy đủ gây khó khăn trong quá trình phát triển dự án | Dev | 50% | 3 | 4 | 4 | 4 | 1.7 | Đảm bảo các công cụ và môi trường phát triển đúng chuẩn ngay từ đầu |
| 46 | Công cụ phát triển không phù hợp gây khó khăn trong quá trình phát triển dự án | Dev | 40% | 3 | 4 | 4 | 4 | 1.4 | Đánh giá kỹ các công cụ phát triển trước khi quyết định sử dụng |
| 47 | Không tuân thủ quy định bảo mật gây mất an toàn hệ thống | Dev | 60% | 4 | 5 | 4 | 5 | 2.7 | Xây dựng các quy định bảo mật nghiêm ngặt theo tiêu chuẩn quốc tế |
| 48 | Giấy phép phần mềm không hợp lệ gây vi phạm bản quyền | PM | 40% | 3 | 3 | 3 | 3 | 1.2 | Đảm bảo sử dụng phần mềm có giấy phép rõ ràng, không vi phạm bản quyền |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Revised Probability | Impact | | | | Revised Score | Responsible Party | Actions | Status | Comments |
| Scope | Quality | Schedule | Cost |
| 40% | 3 | 3 | 3 | 2 | 1.1 | BA | 1. Xác định lại mục tiêu thị trường dựa trên khảo sát mới. 2. Điều chỉnh chiến lược phát triển sản phẩm cho phù hợp với nhu cầu mới. 3. Theo dõi các thay đổi thị trường thường xuyên để kịp thời điều chỉnh. | Open | Thị trường có những biến động nhỏ, cần tiếp tục theo dõi |
| 30% | 2 | 2 | 3 | 3 | 0.75 | PM | 1. Tìm kiếm và tuyển dụng nhân sự dự phòng. 2. Đảm bảo kế hoạch nhân sự luôn có tính linh hoạt để ứng phó. | Open | Việc cắt giảm nhân sự có thể ảnh hưởng đến tiến độ dự án, cần có kế hoạch tuyển dụng nhân sự mới trong trường hợp , hoặc đào tạo nhân sự có sẵn. |
| 20% | 2 | 2 | 3 | 2 | 0.6 | PM | 1. Đánh giá lại các mục tiêu và tiến độ dự án để đảm bảo chúng phù hợp với tình hình mới. 2. Điều chỉnh kế hoạch dự án theo cách linh hoạt hơn để tránh ảnh hưởng lớn tới lịch trình. | Open | Cần tiếp tục theo dõi tình hình thay đổi nội bộ và điều chỉnh kế hoạch dự án nếu cần thiết để đảm bảo tiến độ |
| 40% | 3 | 3 | 3 | 3 | 1.2 | PM | 1. Xem xét lại danh mục chi phí và loại bỏ những chi phí không cần thiết. 2. Theo dõi sát sao các khoản chi để đảm bảo không ảnh hưởng đến chất lượng dự án. | Open | Cần theo dõi và điều chỉnh thường xuyên |
| 20% | 2 | 2 | 2 | 2 | 0.4 | PM | 1. Tổ chức các chương trình đào tạo để đảm bảo rằng các nhân viên khác có thể tiếp nhận công việc khi cần. 2. Lên kế hoạch chuyển giao nhiệm vụ nội bộ khi có dấu hiệu về việc nhân sự nghỉ việc. | Open |  |
| 20% | 1 | 2 | 2 | 2 | 0.35 | Dev | 1. Lập kế hoạch bảo dưỡng định kỳ cho các máy tính. 2. Theo dõi tình trạng hoạt động của máy tính thường xuyên. 3. Xử lý ngay các sự cố nhỏ trước khi gây ảnh hưởng lớn đến tiến độ công việc. | Open | Cần duy trì bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo máy tính hoạt động tốt và giảm thiểu gián đoạn công việc. |
| 40% | 3 | 3 | 3 | 3 | 1.2 | PM | 1. Lập kế hoạch đào tạo liên tục cho nhân viên để cập nhật kỹ năng. 2. Theo dõi sát sao xu hướng công nghệ để điều chỉnh kế hoạch đào tạo phù hợp. 3. Đảm bảo nhân viên nắm bắt được các kỹ năng mới để áp dụng vào dự án. | Open | Cần tổ chức đào tạo định kỳ và theo dõi sát sao xu hướng công nghệ để đảm bảo nhân viên luôn sẵn sàng cập nhật kỹ năng |
| 30% | 3 | 2 | 3 | 2 | 0.75 | PM, Dev, BA | 1. Chủ động lập kế hoạch và dành thời gian thực hiện chương trình đào tạo | Open |  |
| 40% | 3 | 3 | 4 | 2 | 1.2 | BA | 1. Tổ chức các cuộc họp hàng tuần hoặc hàng tháng để cập nhật tiến độ dự án và nghe phản hồi từ khách hàng. 2. Khi có yêu cầu mới, ngay lập tức ghi lại và xác nhận với khách hàng để đảm bảo hiểu đúng và đầy đủ. | Open | Cần theo dõi sát sao sự thay đổi yêu cầu của khách hàng để điều chỉnh kịp thời |
| 20% | 2 | 2 | 3 | 2 | 0.45 | PM | 1. Đặt ra các mục tiêu cụ thể cho nhân viên để họ có thể nỗ lực hơn.. 2. Thông báo rõ ràng về các chính sách thưởng phạt và cách tính toán kết quả. | Open | Cần theo dõi hiệu suất làm việc của nhân viên |
| 15% | 2 | 2 | 3 | 2 | 0.45 | PM | 1. Tổ chức các hoạt động nhóm để tăng cường gắn kết. 2. Cải thiện giao tiếp giữa các thành viên trong nhóm thông qua các buổi đào tạo. 3. Thiết lập các nguyên tắc làm việc chung để giảm thiểu hiểu lầm. | Open | Cần theo dõi tương tác giữa các nhân viên nhiều hơn để tránh xung đột |
| 30% | 2 | 3 | 3 | 2 | 0.75 | BA, Dev | 1. Tổ chức các khóa đào tạo nâng cao để nâng cao trình độ. 2. Phân công nhiệm vụ rõ ràng để tận dụng điểm mạnh của từng thành viên. | Open | Theo dõi sự hiệu quả của từng thành viên sau quá trình đào tạo |
| 30% | 3 | 3 | 3 | 3 | 0.9 | PM, Dev | 1. Thực hiện bảo trì và bảo dưỡng định kỳ cho hệ thống mạng. 2. Đảm bảo rằng có đội ngũ hỗ trợ kỹ thuật sẵn sàng xử lý sự cố nhanh chóng.. | Open | Cần theo dõi tốc độ mạng, và có sẵn phương thức liên lạc với bên hỗ trợ kỹ thuật |
| 35% | 3 | 3 | 4 | 3 | 1.1375 | BA,PM | 1. Rà soát và cập nhật các điều khoản hợp đồng để đảm bảo tính ràng buộc. 2. Thực hiện các cuộc họp định kỳ với đối tác để giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh. | Open | Có thể chuẩn bị các biện pháp pháp lý |
| 40% | 3 | 3 | 4 | 3 | 1.3 | Dev | 1. Thực hiện kiểm tra sự tương thích phần mềm ngay từ đầu dự án. 2. Liên hệ với nhà cung cấp để được hỗ trợ kỹ thuật khi gặp sự cố. 3. Có thể đề xuất các phần mềm thay thế nếu cần | Open | Kiểm tra sự tương thích giữa phần mềm với hệ thống từ ban đầu để tránh lỗi phát sinh |
| 30% | 4 | 4 | 4 | 4 | 1.2 | PM, Dev | 1. Tích hợp hệ thống bảo mật ngay từ giai đoạn thiết kế để giảm thiểu phức tạp. 2. Thực hiện kiểm tra bảo mật định kỳ để đảm bảo tính bảo mật của hệ thống. 3. Khi gặp vấn đề cần liên hệ với chuyên viên bảo mật | Open | Cần theo dõi và cập nhật các yêu cầu bảo mật trong quá trình phát triển để tránh phức tạp không cần thiết. |
| 50% | 4 | 3 | 3 | 3 | 1.625 | BA | 1. Làm rõ yêu cầu và tài liệu ngay từ giai đoạn đầu của dự án. 2. Tổ chức các buổi họp định kỳ với khách hàng để cập nhật và xác nhận yêu cầu. 3. Thiết lập kênh liên lạc thường xuyên để nhận phản hồi kịp thời từ khách hàng. | Open | Cần liên hệ, hoặc gặp mặt trực tiếp với khách hàng nếu cần thiết |
| 25% | 3 | 3 | 4 | 3 | 0.825 | PM | 1. Đàm phán các hợp đồng giá cố định với nhà cung cấp để hạn chế chi phí phát sinh. 2. Thực hiện đánh giá thị trường định kỳ để cập nhật tình hình kinh tế và điều chỉnh kế hoạch dự án khi cần. 3. Xây dựng ngân sách dự phòng để đối phó với biến động kinh tế.. | Open | Theo dõi biến động kinh tế thị trường |
| 10% | 3 | 3 | 4 | 3 | 0.45 | PM | 1. Thiết lập cơ chế trao đổi thông tin liên tục với ban quản trị để kịp thời nắm bắt quyết định. 2. Cập nhật thường xuyên về tình hình dự án cho quản trị cấp cao để đảm bảo sự hỗ trợ và thông cảm.. | Open | Báo cáo tiến độ và cập nhật thông tin từ ban quản trị một cách nhanh nhất |
| 30% | 3 | 3 | 4 | 3 | 0.975 | PM, Dev | 1. Lập kế hoạch dự phòng để đảm bảo có tài nguyên thay thế nếu cần. 2. Thực hiện kiểm kê tài sản định kỳ để xác định các tài nguyên quan trọng. | Open | Theo dõi tình trạng của tài nguyên thường xuyên |
| 40% | 3 | 3 | 3 | 2 | 1.1 | PM | 1. Tổ chức các cuộc họp nhóm định kỳ để tạo cơ hội giao tiếp và làm rõ các vấn đề. 2. Giải quyết xung đột ngay khi phát sinh để tránh ảnh hưởng đến hiệu suất làm việc. 3. Khuyến khích các thành viên chia sẻ ý kiến và cảm xúc trong nhóm. | Open | Theo dõi tương tác giữa các thành viên để phát hiện sớm và giải quyết nhanh chóng |
| 20% | 4 | 5 | 5 | 4 | 0.9 | PM, Dev | 1. Triển khai các biện pháp bảo mật mạnh mẽ như mã hóa dữ liệu và xác thực đa yếu tố. 2. Đào tạo nhân viên về bảo mật thông tin và quy trình xử lý dữ liệu. 3. Thực hiện kiểm tra bảo mật định kỳ để phát hiện và khắc phục lỗ hổng. | Open | Có thể cập nhật các biện pháp bảo mật |
| 40% | 3 | 4 | 3 | 4 | 1.4 | PM | 1. Lập kế hoạch đào tạo chi tiết cho nhân viên về công nghệ mới. 2. Cung cấp hỗ trợ và tài nguyên học tập cho nhân viên trong quá trình đào tạo. | Open | Cần đánh giá trình độ sau quá trình đào tạo |
| 30% | 3 | 3 | 4 | 3 | 0.975 | PM | 1. Ký hợp đồng với nhiều điều khoản rõ ràng về thời gian giao hàng và trách nhiệm của nhà cung cấp. 2. Giám sát tiến độ giao hàng của nhà cung cấp và có biện pháp nhắc nhở khi cần. | Open | Theo dõi tình hình giao hàng khi cần thiết |
| 40% | 4 | 3 | 4 | 4 | 1.5 | PM | 1. Lên lịch họp với ban lãnh đạo. 2. Thường xuyên cập nhật tình hình dự án qua email và báo cáo. 3. Trình bày rõ các khó khăn và đề xuất hỗ trợ kịp thời. | Open | Phải liên hệ thường xuyên để duy trì quan hệ với ban lãnh đạo. |
| 40% | 4 | 4 | 4 | 5 | 1.7 | PM | 1. Xem xét lại phạm vi dự án và điều chỉnh quy mô. 2. Tìm kiếm nguồn tài trợ bổ sung. 3. Thiết lập quy trình giám sát chi phí chặt chẽ để tối ưu nguồn lực. | Open | Cần quản lý chi phí kỹ càng để tránh bội chi. |
| 30% | 5 | 4 | 4 | 3 | 1.2 | PM, BA | 1. Đẩy nhanh tiến độ phát triển sản phẩm 2. Nghiên cứu các cải tiến để sản phẩm có tính cạnh tranh cao hơn. 3. Điều chỉnh kế hoạch marketing để tạo khác biệt. | Open | Theo dõi đối thủ liên tục để đưa ra phương án cải thiện. |
| 30% | 5 | 5 | 5 | 4 | 1.425 | dev, PM | 1. Triển khai các hệ thống bảo mật như tường lửa và mã hoá dữ liệu. 2. Định kỳ kiểm tra lỗ hổng bảo mật trong hệ thống. 3. Hợp tác với chuyên gia an ninh mạng để đảm bảo an toàn thông tin. | Open | Cần phải thực hiện các biện pháp an ninh mạnh mẽ hơn. |
| 30% | 3 | 4 | 4 | 2 | 0.975 | PM | 1. Phân chia công việc hợp lý hơn cho từng thành viên 2. Sử dụng công cụ quản lý công việc tự động để giám sát tiến độ 3. Ưu tiên các nhiệm vụ quan trọng và cắt giảm công việc không cần thiết. | Open | Sử dụng công nghệ để tối ưu hoá phân bổ công việc. |
| 20% | 4 | 5 | 5 | 4 | 0.9 | Dev | 1. Phân tích kỹ yêu cầu tích hợp từng phần. 2. Tiến hành thử nghiệm tích hợp trên môi trường giả lập trước khi triển khai. 3. Sử dụng các công cụ tự động hoá để hỗ trợ quá trình tích hợp. | Open | Phải chia nhỏ các phần thích hợp để kiểm tra hiệu quả. |
| 40% | 3 | 5 | 4 | 3 | 1.5 | Dev | 1. Thực hiện kiểm thử mã nguồn bằng công cụ tự động (CI/CD). 2. Tổ chức các buổi code review định kỳ để phát hiện lỗi kịp thời. 3. Đảm bảo kiểm thử hiệu năng từng chức năng trước khi triển khai chính thức. | Open | Đánh giá mã nguồn liên tục để đảm bảo chất lượng. |
| 30% | 4 | 5 | 4 | 4 | 1.275 | Dev | 1. Kiểm thử tải trọng từ giai đoạn đầu của phát triển. 2. Tối ưu hoá hiệu năng hệ thống bằng cách sử dụng cache và cân bằng tải. 3. Thực hiện kiểm tra hiệu suất định kỳ trong suốt vòng đời dự án. | Open | Kiểm thử hiệu năng liên tục để phát hiện các vấn đề kịp thời. |
| 40% | 4 | 3 | 4 | 3 | 1.4 | BA | 1. Xác định rõ ràng yêu cầu của dự án. 2. Sử dụng kỹ thuật phân tích yêu cầu cho tiết. 3. Xác nhận yêu cầu của tất cả các bên liên quan trước khi phát triển. | Open | Đảm bảo thu thập yêu cầu chi tiết để tránh phát sinh lỗi sau này. |
| 60% | 3 | 4 | 5 | 3 | 2.25 | PM | 1. Lập kế hoạch chi tiết cho từng giai đoạn của dự án. 2. Đặt lịch theo dõi tiến độ hàng tuần. 3. Điều chỉnh thời gian nếu phát hiện sự lệch lạc ngay lập tức. | Open | Theo dõi sát sao kế hoạch để đảm bảo không bị chậm trễ. |
| 30% | 4 | 4 | 4 | 3 | 1.125 | Dev | 1. Xác định các kịch bản kiểm thử quan trọng. 2. Áp dụng công cụ tự động hoá kiểm thử (CI/CD). 3. Phân bổ thêm tài nguyên cho nhóm kiểm thử. | Open | Tự động hoá kiểm thử giúp tăng hiệu suất và giảm sai sót. |
| 40% | 3 | 4 | 4 | 3 | 1.4 | PM | 1. Xác định và ưu tiên kiểm thử các tính năng quan trọng. 2. Phân bổ đủ thời gian kiểm thử. 3. Đánh giá kỹ lưỡng tất cả kết quả kiểm thử trước khi triển khai. | Open | Ưu tiên những phần cần kiểm thử để tiết kiệm thời gian. |
| 30% | 4 | 5 | 4 | 4 | 1.275 | Dev | 1. Kiểm thử trên các môi trường phần cứng và phần mềm khác nhau. 2. Thực hiện kiểm thử tương thích sớm trong dự án. 3. Sử dụng các công cụ kiểm thử hiệu năng. | Open | Tối ưu hoá sự tương thích ngay từ đầu dự án để tránh lỗi về sau. |
| 60% | 3 | 3 | 4 | 2 | 1.8 | PM | 1. Thiết lập các cuộc họp giao tiếp hàng tuần. 2. Sử dụng các công cụ giao tiếp trực tuyến (Zoom. MS Team, …) 3. Ghi lại và chia sẻ các cuộc họp với toàn bộ nhóm. | Open |  |
| 50% | 4 | 3 | 4 | 3 | 1.75 | BA | 1. Lên lịch các cuộc họp định kỳ với khách hàng. 2. Đảm bảo việc trao đổi phản hồi thường xuyên với khách hàng. 3. Ghi chép và phân tích các ý kiến phản hồi. | Open | Thường xuyên họp với khách hàng để cập nhật tình hình dự án. |
| 70% | 4 | 4 | 5 | 4 | 2.975 | BA | 1. Đánh giá lại mức độ ưu tiên của các tính năng. 2. Thương lượng lại thời gian phát triển dự án. 3. Cắt giảm những tính năng không cần thiết. | Open | Điều chỉnh lại yêu cầu để phù hợp với thời gian và nguồn lực hiện có. |
| 30% | 4 | 4 | 5 | 4 | 1.275 | BA | 1. Khảo sát người dùng cuối để thu thập kỳ vọng. 2. Kiểm tra UX/UI sớm và thường xuyên. 3. Điều chỉnh giao diện và chức năng dựa trên phản hồi người dùng. | Open | Đảm bảo trải nghiệm người dùng bằng cách kiểm tra UX/UI từ đầu. |
| 30% | 4 | 4 | 4 | 3 | 1.125 | Dev | 1. Xây dựng hệ thống tài liệu rõ ràng. 2. Đảm bảo quy chuẩn mã nguồn. 3. Thiết lập quy trình bảo trì định kỳ với đội phát triển. | Open | Tài liệu hoá và chuẩn hoá mã nguồn để dễ dàng bảo trì và cập nhật trong tương lai. |
| 60% | 3 | 3 | 4 | 4 | 2.1 | Sponsor | 1. Lên kế hoạch dự phòng ngân sách cho các trường hợp phát sinh. 2. Xem xét lại các hạng mục chi phí không cần thiết. 3. Kiểm soát chặt chẽ quy trình mua sắm. | Open | Chuẩn bị kế hoạch dự phòng về ngân sách tránh thiếu hụt. |
| 70% | 4 | 4 | 4 | 3 | 2.625 | PM | 1. Kiểm tra kỹ lưỡng trước khi phát hành. 2. Thiết lập hệ thống phát hành nhỏ để kiểm tra từng phần. 3. Lập kế hoạch vá lỗi sau phát hành. | Open | Đảm bảo hệ thống kiểm tra và phát hành nhỏ để giảm thiểu lỗi nghiêm trọng. |
| 50% | 3 | 4 | 4 | 4 | 1.875 | Dev | 1. Đảm bảo công cụ phát triển đầy đủ và đạt chuẩn ngay từ đầu. 2. Cung cấp các môi trường thử nghiệm giống như môi trường thực tế. 3. Theo dõi tiến độ thường xuyên. | Open | Cung cấp môi trường thử nghiệm đầy đủ để hỗ trợ nhóm phát triển. |
| 40% | 3 | 4 | 4 | 4 | 1.5 | Dev | 1. Đánh giá kỹ lưỡng các công cụ trước khi sử dụng. 2. Sử dụng công cụ phát triển phù hợp với yêu cầu của dự án. 3. Lập kế hoạch đổi công cụ nếu cần thiết. | Open | Xem xét kỹ công cụ phát triển trước khi lựa chọn để tránh ảnh hưởng tiến độ. |
| 60% | 4 | 5 | 4 | 5 | 2.7 | Dev | 1. Xây dựng các quy định bảo mật nghiêm ngặt. 2. Đào tạo đội ngũ về tiêu chuẩn bảo mật. 3. Thường xuyên kiểm tra và cập nhật quy trình bảo mật. | Open | Tuân thủ các tiêu chuẩn bảo mật quốc tế để bảo vệ hệ thống khỏi nguy cơ tiềm ẩn. |
| 40% | 3 | 3 | 3 | 3 | 1.2 | PM | 1. Đảm bảo sử dụng phần mềm có giấy phép rõ ràng. 2. Kiểm tra lại tất cả giấy phép phần mềm. 3. Liên hệ với nhà cung cấp nếu cần thêm giấy phép hợp lệ. | Open | Sử dụng các phần mềm có bản quyền để tránh các vấn đề pháp lý phát sinh. |